

Số: **841/2022/QĐST-HNGĐ**

Ba Đình, ngày 10 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 821/2022/TLST-VHNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Chị **Mai Thị T**, Sinh năm: 1985. ĐKKHKT: Số 50 ngõ 67 phố C, phường Đ, quận H, thành phố H. Nơi công tác: Số 101, ngõ 55 đường H, phường N, quận B, thành phố H.

- Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm: 1984. ĐKKHKT và nơi ở: Số 50 ngõ 67 phố C, phường Đ, quận H, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận B, thành phố H của người yêu cầu là tự nguyện; Việc thuận tình ly hôn và các nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[2] Quan hệ hôn nhân của chị Mai Thị T và anh Nguyễn Ngọc T là hợp pháp theo Giấy đăng ký kết hôn số 44, quyển số 01/2012 tại UBND phường Đ, quận H, thành phố H vào ngày 05 tháng 6 năm 2012.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Mai Thị T** và anh **Nguyễn Ngọc T** thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Ngọc T có hai con chung là cháu Nguyễn Hữu Nhật N, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011 và cháu Nguyễn Hữu Đức N, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2018. Khi ly hôn chúng tôi thống nhất như sau: Con Nguyễn Hữu Nhật N do mẹ Mai Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Con Nguyễn Hữu Đức N do bố Nguyễn Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Ngọc T được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung (động sản và bất động sản):** Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Ngọc T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- **Về các khoản vay nợ:** Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Ngọc T xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Mai Thị T tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0002615 ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- UBND phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhung